

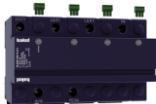


Thương hiệu	Hình ảnh	Sản phẩm	Model	Diễn giải/Đặc tính kỹ thuật	1/6/2026
Bộ Lưu Điện UPS (K-Star)					Bảng giá/Chưa CK (chưa VAT 8 %)
		Memopower-III Series 1:1 Phase PF 0.9 (PF 0.8/1.0 optional) Input: 110~300VAC Output: 208/220/230/240 VAC Input power factor 0.99 with PFC LCD interface RS232 (USB/ EPO/Dry contact card/ SNMP card optional)	MP 1K H	Bộ lưu điện 1KVA PF output: 0.9 Efficiency: up to 95% LCD display 144x293x209(mm), 4.1(kg) Battery pack not included.	18,500,000
			MP 1K S	Bộ lưu điện 1KVA PF output: 0.9 Efficiency: up to 95% LCD display 144x399x209(mm), 12.5(kg) Battery pack included (3pcs 9Ah/12V).	20,000,000
			MP 2K H	Bộ lưu điện 2KVA PF output: 0.9 Efficiency: up to 96% LCD display 191x460x337(mm), 10(kg) Battery pack not included.	26,500,000
			MP 2K S	Bộ lưu điện 2KVA PF output: 0.9 Efficiency: up to 96% LCD display 191x460x337(mm), 24.5(kg) Battery pack included (6pcs 9Ah/12V).	28,400,000
			MP 3K H	Bộ lưu điện 3KVA PF output: 0.9 Efficiency: up to 97% LCD display 191x460x337(mm), 10(kg) Battery pack not included.	27,000,000
			MP 3K S	Bộ lưu điện 3KVA PF output: 0.9 Efficiency: up to 97% LCD display 191x460x337(mm), 29.5(kg) Battery pack included (8pcs 9Ah/12V).	30,200,000
		Battery Pack VRLA (Lead acid maintenance free battery) 9Ah (7Ah optional) Typical Battery Recharge: 6~8h Typical Battery Life: 3~5y	EBP for MP III RT 1KVA	Battery Pack 24VDC 4 pcs, 12V/9AH 144x399x209(mm), 13.5(kg)	16,400,000
			EBP for MP III RT 2KVA	Battery Pack 48VDC 8 pcs, 12V/9AH 144x399x209(mm), 18.5(kg)	20,000,000
			EBP for MP III RT 3KVA	Battery Pack 72VDC 12 pcs, 12V/9AH 191x460x337(mm), 28.5(kg)	23,400,000



Thương hiệu	Hình ảnh	Sản phẩm	Model	Diễn giải/Đặc tính kỹ thuật	1/6/2026
Chuyển nguồn tự động ATS (đã bao gồm bộ điều khiển tích hợp bên trong)					Bảng giá/Chưa CK (chưa VAT 8 %)
		ATS 3 pha 3 Pole 3 vị trí (ON-Off- On)	S3-80-4P-D (Ie 16A)	Bộ chuyển nguồn tự động 3P, 4 Pole, 16 A (tích hợp sẵn bộ điều khiển và mã hình hình RDU)	12,000,000
			S3-80-4P-D (Ie 16A)	Bộ chuyển nguồn tự động 3P, 4 Pole, 20 A (tích hợp sẵn bộ điều khiển và mã hình hình RDU)	13,500,000
			S3-80-4P-D (Ie 32A)	Bộ chuyển nguồn tự động 3P, 4 Pole, 32 A (tích hợp sẵn bộ điều khiển và mã hình hình RDU)	16,000,000
			S3-80-4P-D (Ie 40A)	Bộ chuyển nguồn tự động 3P, 4 Pole, 40 A (tích hợp sẵn bộ điều khiển và mã hình hình RDU)	16,800,000
			S3-80-4P-D (Ie 63A)	Bộ chuyển nguồn tự động 3P, 4 Pole, 63 A (tích hợp sẵn bộ điều khiển và mã hình hình RDU)	17,500,000
			S3-80-4P-D (Ie 80A)	Bộ chuyển nguồn tự động 3P, 4 Pole, 80 A (tích hợp sẵn bộ điều khiển và mã hình hình RDU)	17,900,000
			S3-125-4P-D (Ie 100A)	Bộ chuyển nguồn tự động 3P, 4 Pole, 100 A (tích hợp sẵn bộ điều khiển và mã hình hình RDU)	18,000,000
			S3-125-4P-D (Ie 125A)	Bộ chuyển nguồn tự động 3P, 4 Pole, 125 A (tích hợp sẵn bộ điều khiển và mã hình hình RDU)	18,500,000
			S3-250-4P-D (Ie 160A)	Bộ chuyển nguồn tự động 3P, 4 Pole, 160 A (tích hợp sẵn bộ điều khiển và mã hình hình RDU)	18,800,000
			S3-250-4P-D (Ie 200A)	Bộ chuyển nguồn tự động 3P, 4 Pole, 200 A (tích hợp sẵn bộ điều khiển và mã hình hình RDU)	19,000,000
			S3-250-4P-D (Ie 250A)	Bộ chuyển nguồn tự động 3P, 4 Pole, 250 A (tích hợp sẵn bộ điều khiển và mã hình hình RDU)	20,500,000
			S3-630-4P-D (Ie 400A)	Bộ chuyển nguồn tự động 3P, 4 Pole, 400 A (tích hợp sẵn bộ điều khiển và mã hình hình RDU)	25,500,000
			S3-630-4P-D (Ie 500A)	Bộ chuyển nguồn tự động 3P, 4 Pole, 500 A (tích hợp sẵn bộ điều khiển và mã hình hình RDU)	28,000,000
			S3-630-4P-D (Ie 630A)	Bộ chuyển nguồn tự động 3P, 4 Pole, 630 A (tích hợp sẵn bộ điều khiển và mã hình hình RDU)	31,000,000
			S3-1000-4P-D (Ie 800A)	Bộ chuyển nguồn tự động 3P, 4 Pole, 800 A (tích hợp sẵn bộ điều khiển và mã hình hình RDU)	72,500,000
			S3-1000-4P-D (Ie 1000A)	Bộ chuyển nguồn tự động 3P, 4 Pole, 1000 A (tích hợp sẵn bộ điều khiển và mã hình hình RDU)	73,000,000
			S3-1600-4P-D (Ie 1250A)	Bộ chuyển nguồn tự động 3P, 4 Pole, 1250 A (tích hợp sẵn bộ điều khiển và mã hình hình RDU)	76,500,000
			S3-1600-4P-D (Ie 1600A)	Bộ chuyển nguồn tự động 3P, 4 Pole, 1600 A (tích hợp sẵn bộ điều khiển và mã hình hình RDU)	88,500,000

MH

Thương hiệu	Hình ảnh	Sản phẩm	Model	Diễn giải/Đặc tính kỹ thuật	1/6/2026
Chuyển nguồn tự động ATS (KHÔNG bao gồm bộ điều khiển tích hợp bên trong)					Bảng giá/Chưa CK (chưa VAT 8 %)
		ATS 3 pha 3 Pole 3 vị trí (ON-Off- On)	S3-2000-4P-D (Ie 2000A)	Bộ chuyển nguồn tự động 3P, 4 Pole, 2000 A	175,000,000
			S3-2500-4P-D (Ie 2500A)	Bộ chuyển nguồn tự động 3P, 4 Pole, 2500 A	210,000,000
			S3-3200-4P-D (Ie 3200A)	Bộ chuyển nguồn tự động 3P, 4 Pole, 3200 A	237,000,000
			S3-3200-4P-D (Ie 4000A, Ie 5000A, 6000A)	Bộ chuyển nguồn tự động 3P, 4 Pole, 4000A, 5000A, 6300A..)	TBA
BỘ ĐIỀU KHIỂN ATS (dành cho ATS 3P 4 pole > 1600A)					Bảng giá/Chưa CK (chưa VAT 8 %)
		Bộ Điều Khiển ATS (dùng cho dòng > 1600A)	MH-SCT-5N	Bộ điều khiển ATS, Model 2000-3200A, LCD	9,000,000
CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN HAKEL					Bảng giá/Chưa CK (chưa VAT 8 %)
		Chống sét lan truyền Type 2+3	HSA 275/3+1 s Art No. 24524	Uc = 275VAC, 3P, 4 pole Imax (8/20): 50kA Iimp (10/350): 20kA	5,900,000
		Chống sét lan truyền Type 1+2 (150kA)	HLSA25-275/3+1 s Art No. 10460	Uc = 275VAC, 3P, 4 pole Itotal (8/20): 150kA, Iimp (10/350): 100kA	16,300,000
		Chống sét lan truyền Type 1+2 (200kA)	HLSA25-275/4+0	Uc = 255VAC, 3P, 4 pole Itotal (8/20): 200kA Iimp (10/350): 100kA	24,000,000
ĐỒNG HỒ ĐO ĐA NĂNG, PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG ĐIỆN NĂNG- DPM, PQM					Bảng giá/Chưa CK (chưa VAT 8 %)
		Đồng hồ đa năng, màn hình LCD	UMG-96 S2	Đồng hồ đa năng, Cấp chính xác 0,2% (V/A), 0.5s (kwh), CT..**/ 1 or 5A, 15th harmonics, Modbus RS485, digital out/ Pulse output	6,600,000
		Đồng hồ đa năng, màn hình LCD	UMG-96 RM	Đồng hồ đa năng, Cấp chính xác 0,2% (V/A), 0.5s (kwh), CT..**/ 1 or 5A, 40th harmonics, Modbus RS485, digital input, digital out/ Pulse output	12,000,000
		Đồng hồ đa năng, màn hình LCD	E92m	Đồng hồ đa năng, Cấp chính xác 0.5s (kwh), CT..**/ 1 or 5A, 31st harmonics, Modbus RS485, 1 digital output/ 1 digital input, bộ nhớ 8MB	4,500,000
		Đồng hồ phân tích chất lượng điện năng, màn hình LCD	E9X	Đồng hồ đa năng, Cấp chính xác 0.2s (kwh), CT..**/ 1 or 5A, 63rd harmonics, Modbus RS485/TCP IP, 2 digital output/ 2 digital input, bộ nhớ 8MB, nhiều biểu giá điện, có hỗ trợ module mở rộng chức năng	14,000,000
		Đồng hồ phân tích chất lượng điện năng, màn hình đồ họa màu	E9XT	Đồng hồ đa năng, Cấp chính xác 0.2s (kwh), CT..**/ 1 or 5A, 63rd harmonics, Modbus RS485, TCP IP 2 digital output/ 2 digital input, bộ nhớ 16MB, nhiều biểu giá điện, có hỗ trợ module mở rộng chức năng	16,000,000



Thương hiệu	Hình ảnh	Sản phẩm	Model	Diễn giải/Đặc tính kỹ thuật	1/6/2026
ĐỒNG HỒ ĐO KWH / TRỰC TIẾP / GIÁN TIẾP (GẮN DIN RAIL / MẶT TỬ)					Bảng giá/Chưa CK (chưa VAT 8 %)
		Đồng hồ đo kWh trực tiếp 100A - Din rail	DDS 1946T 5(100)	KWh 1P2W, trực tiếp 100A,Modbus RTU 485,Pulse output, DIN RAIL	2,600,000
			DTS 1946T 5(100)	KWh 3P4W, trực tiếp 100A,Modbus RTU 485,Pulse output, DIN RAIL	3,800,000
		Đồng hồ đo kWh gián tiếp.../5A - Din rail	DTS 1946T - CT	KWh 3P4W Modbus RTU 485,Pulse output,.../5A, DIN RAIL	4,400,000
		Đồng hồ đo kWh gián tiếp.../5A, ..1A Gắn mặt tử, Size 96*96	MEM34LS	KWh 3P3W, 3P4W Modbus RTU 485,Pulse output,.../5A,..1A	4,100,000
ĐỒNG HỒ ĐO KWH / TRỰC TIẾP / GIÁN TIẾP (GẮN DIN RAIL)-- BA BIỂU GIÁ (Multi tariffs)					Bảng giá/Chưa CK (chưa VAT 8 %)
		Đồng hồ đo kWh trực tiếp 100A - Din rail, ba biểu giá	DDSF 1946 5(100)	KWh 1P2W, trực tiếp 100A,Modbus RTU 485,Pulse output, DIN RAIL, ba biểu giá	4,200,000
			DTSF 1946 5(100)	KWh 3P4W, trực tiếp 100A,Modbus RTU 485,Pulse output, DIN RAIL,ba biểu giá	6,200,000
		Đồng hồ đo kWh 3p4w gián tiếp.../5A - Din rail, ba Biểu giá	DTSF 1946 - CT	KWh 3P4W Modbus RTU 485,Pulse output,.../5A, DIN RAIL,ba biểu giá	6,400,000
CUỘN KHÁNG HẠ THẺ 7% 440VAC					Bảng giá/Chưa CK (chưa VAT 8 %)
		Cuộn kháng 7% 440VAC 10KVAr (*)	MH-AL-440/10/7	Công suất 10KVAr - 440VAC, I=13.1A	4,400,000
		Cuộn kháng 7% 440VAC 15 KVAr (*)	MH-AL-440/15/7	Công suất 15KVAr - 440VAC, I=19.7A	4,600,000
		Cuộn kháng 7% 440VAC 20 KVAr	MH-AL-440/20/7	Công suất 20KVAr - 440VAC, I=26.2A	5,000,000
		Cuộn kháng 7% 440VAC 25 KVAr	MH-AL-440/25/7	Công suất 25KVAr - 440VAC, I=32.8A	5,400,000
		Cuộn kháng 7% 440VAC 30 KVAr	MH-AL-440/30/7	Công suất 30KVAr - 440VAC, I=39.4A	5,800,000
		Cuộn kháng 7% 440VAC 40 KVAr	MH-AL-440/40/7	Công suất 40KVAr - 440VAC, I=52.5A	6,900,000
		Cuộn kháng 7% 440VAC 50 KVAr	MH-AL-440/50/7	Công suất 50KVAr - 440VAC, I=65.5A	8,200,000
		Cuộn kháng 7% 440VAC 60 KVAr (*)	MH-AL-440/60/7	Công suất 60KVAr - 440VAC, I=78.7A	10,000,000
		Cuộn kháng 7% 440VAC 70 KVAr (*)	MH-AL-440/70/7	Công suất 70KVAr - 440VAC, I=91.9A	10,800,000
		Cuộn kháng 7% 440VAC 75 KVAr (*)	MH-AL-440/75/7	Công suất 75KVAr - 440VAC, I=98.4A (type Foil)	14,500,000
		Cuộn kháng 7% 440VAC 80 KVAr (*)	MH-AL-440/80/7	Công suất 80KVAr - 440VAC, I=105.0A (type Foil)	15,200,000
		Cuộn kháng 7% 440VAC 100 KVAr (*)	MH-AL-440/100/7	Công suất 100KVAr - 440VAC, I=131.2A (type Foil)	15,500,000



Thương hiệu	Hình ảnh	Sản phẩm	Model	Diễn giải/Đặc tính kỹ thuật	1/6/2026
BỘ ĐIỀU KHIỂN TỰ BÙ					Bảng giá/Chưa CK (chưa VAT 8 %)
		Bộ Điều Khiển Tự Bù, màn hình LCD	MSC-6N	Bộ điều khiển tự bù 6 cấp, 220/415V, 50Hz, THD-i THD-v, VA, P, Var,	5,400,000
		Bộ Điều Khiển Tự Bù, màn hình LCD	MSC-12N	Bộ điều khiển tự bù 12 cấp, 220/415V, 50Hz, THD-i THD-v, VA, P, Var,	7,000,000
		Bộ Điều Khiển Tự Bù, màn hình LCD, Modbus RS 485	MPC 7	Bộ điều khiển tự bù 7 cấp, 220/415V, 50Hz, THD-i THD-v, VA, P, Var, Modbus RS485	11,200,000
		Bộ Điều Khiển Tự Bù, màn hình LCD, Modbus RS 485	MPC 14	Bộ điều khiển tự bù 14 cấp, 220/415V, 50Hz, THD-i THD-v, VA, P, Var, Modbus RS485	13,000,000
TỤ BÙ HẠ THẾ 440VAC					Bảng giá/Chưa CK (chưa VAT 8 %)
		Tụ bù 3P 440VAC 20KVar	Accr.440.3.20	Công suất 20KVar - 440VAC, I=26.2A	2,800,000
		Tụ bù 3P 440VAC 25KVar	Accr.440.3.25	Công suất 25KVar - 440VAC, I=32.8A	3,000,000
		Tụ bù 3P 440VAC 30KVar	Accr.440.3.30	Công suất 30KVar - 440VAC, I=39.4A	3,400,000
RELAY BẢO VỆ QUÁ DÒNG / CHẠM ĐẤT / BẢO VỆ DÒNG RÒ / ZCT					Bảng giá/Chưa CK (chưa VAT 8 %)
		Relay bảo vệ quá dòng/chạm đất (OC/EF), IDMTL	REA200e	- Nguồn: AC/DC 85-265V - Bảo vệ quá dòng 20-200% - Bảo vệ dòng chạm đất 2.0-50.0% - TRIP theo đường cong ANSI, IAC, IEC và 1.3/10 - 1 C/O, 1 N/O - Lưu trữ 4 sự kiện	8,100,000
		Relay bảo vệ quá dòng, DTL	OA703e	- Nguồn: 110/240 VAC - Thời gian tác động: Quá dòng 105%: <300ms Quá dòng >200%: <100ms - 2 tiếp điểm đầu ra	3,500,000
		Relay bảo vệ chạm đất, DTL	REF18e	- Nguồn: 230 VAC - Dòng chạm đất: 0.1-2.0A - Thời gian tác động: 0-1.0s - 1 C/O - Kích thước 96 x 96 mm	2,500,000
		Relay bảo vệ chạm đất, DTL	EF18e	- Nguồn: 230 VAC - Dòng chạm đất: 0.1-2.0A - Thời gian tác động: 0-1.0s - 1 C/O - Kích thước 59 x 88 mm	2,700,000
		Relay bảo vệ quá dòng, IDMTL	ROA207e	- Nguồn: AC/DC 85-265V - Bảo vệ quá dòng 20-200% - TRIP theo đường cong ANSI, IAC, IEC và 1.3/10 - 1 C/O, 1 N/O - Lưu trữ 4 sự kiện	6,400,000
		Relay bảo vệ chạm đất IDMTL	REF052e	- Nguồn: AC/DC 85-265V - Bảo vệ dòng chạm đất 2.0-50.0% - TRIP theo đường cong ANSI, IAC, IEC và 1.3/10 - 1 C/O, 1 N/O - Lưu trữ 4 sự kiện	5,600,000
		Relay bảo vệ dòng rò (ELR) - Mặt 96 x 96 mm	REL10	- Nguồn: 220V - Dòng rò cài đặt: 100mA-10A - Thời gian tác động: 0-0.5s - Đèn hiển thị báo mức độ % dòng rò - Kích thước 96*96 mm	2,180,000
		Relay bảo vệ dòng rò (ELR) - Mặt tủ 59 x 88 mm	EL03P	Dòng rò cài đặt EL03P: 30mA-3A - Kích thước 59*88mm	2,900,000
			EL10P	Dòng rò cài đặt EL10P: 100mA-10A - Kích thước 59*88mm	3,000,000
EL30P			Dòng rò cài đặt EL30P: 500mA-30A - Kích thước 59*88mm	3,200,000	



Thương hiệu	Hình ảnh	Sản phẩm	Model	Diễn giải/Đặc tính kỹ thuật	1/6/2026
		Relay bảo vệ dòng rò (ELR) - Gắn Dinrail - Mặt 75 x 90 mm	EL03	Dòng rò cài đặt EL03: 30mA-3A	2,400,000
			EL10	Dòng rò cài đặt EL10: 100mA-10A	2,400,000
			EL30	Dòng rò cài đặt EL30: 500mA-30A	2,900,000
		Relay bảo vệ quá áp / thấp áp, DTL	OUV400	- Nguồn: AC/DC 85-265V - Điện áp hệ thống: 60-480 VAC - Thấp áp : 70%-100% - Quá áp : 100%-130% - 1 C/O, 1 N/O - Lưu trữ 4 sự kiện (optional : Modbus RS485)	6,700,000
		Module Modbus RS485 cho REA200N, OUV400	MD-01	Module RS485 gắn kèm cho model REA200N & OUV 400	1,450,000
		Relay bảo vệ quá dòng/chạm đất (OC/EF), IDMTL (<i>Hiển thị thời gian ngày tháng năm TRIP</i>)	REA200n	- Nguồn: AC/DC 85-265V - Cơ chỉ thị độc quyền MTB, phù hợp với ANSI 86 - Bảo vệ quá dòng 20-200% - Bảo vệ dòng chạm đất 2.0-50.0% - TRIP theo đường cong ANSI, IAC, IEC và 1.3/10 - 1 C/O, 1 N/O - Lưu trữ 20 sự kiện, 40 thao tác cài đặt,	13,300,000
		Relay bảo vệ quá dòng, DTL	OA703	- Nguồn: AC/DC 85-265V - Cơ chỉ thị độc quyền MTB, , Hiển thị thời gian ngày tháng năm bị TRIP, phù hợp với ANSI 86 - Cài đặt quá dòng: 2-7A - 1 C/O, 1 N/O	6,800,000
		Relay bảo vệ chạm đất, DTL	EF18	- Nguồn: 200-265 VAC - Cơ chỉ thị độc quyền MTB, phù hợp với ANSI 86 - Dòng chạm đất: 0.1-2.0A - Thời gian tác động: 0-1.0s - 2 N/O	3,400,000
		Relay bảo vệ chạm đất, DTL (<i>Hiển thị thời gian ngày tháng năm TRIP</i>)	EF18D	- Nguồn: AC/DC 85-265V - Cơ chỉ thị độc quyền MTB, , Hiển thị thời gian ngày tháng năm bị TRIP, phù hợp với ANSI 86 - Màn hình LCD, có kết nối RS485 - Dòng chạm đất: 2.0-50.0% - Thời gian tác động: 0.1-2.0s - 2 N/O - Lưu trữ 4 sự kiện	5,400,000
		Relay bảo vệ quá dòng, IDMTL	ROA207n	- Nguồn: AC/DC 85-265V - Cơ chỉ thị độc quyền MTB, phù hợp với ANSI 86 - Bảo vệ quá dòng 20-200% - TRIP theo đường cong ANSI, IAC, IEC và 1.3/10 - 1 C/O, 1 N/O - Lưu trữ 20 sự kiện, 40 thao tác cài đặt	11,000,000
		Relay bảo vệ chạm đất IDMTL	REF052n	- Nguồn: AC/DC 85-265V - Cơ chỉ thị độc quyền MTB, phù hợp với ANSI 86 - Bảo vệ dòng chạm đất 2.0-50.0% - TRIP theo đường cong ANSI, IAC, IEC và 1.3/10 - 1 C/O, 1 N/O - Lưu trữ 20 sự kiện, 40 thao tác cài đặt	9,200,000
		"Relay bảo vệ dòng rò (ELR) - Mặt 75 x 90 mm, màn hình LED" (<i>Hiển thị thời gian ngày tháng năm TRIP</i>)	EL30D	- Dòng rò cài đặt EL30: 300mA-30A - Có RS485 - Lưu trữ 4 sự kiện	5,200,000



Thương hiệu	Hình ảnh	Sản phẩm	Model	Diễn giải/Đặc tính kỹ thuật	1/6/2026
BIẾN DÒNG THỬ TỰ KHÔNG (ZCT)					Bảng giá/Chưa CK (chưa VAT 8 %)
		Biến dòng thử tự không (ZCT)	CTZ 35	Biến dòng thử tự không , D=35mm, Current setting 150A	860,000
			CTZ 50	Biến dòng thử tự không , D=50mm, Current setting 250A	1,000,000
			CTZ 70	Biến dòng thử tự không , D=70mm, Current setting 400A	1,390,000
			CTZ 105	Biến dòng thử tự không , D=105mm, Current setting 600A	4,000,000
			CTZ 140	Biến dòng thử tự không , D=140mm, Current setting 1000A	4,600,000



Thương hiệu	Hình ảnh	Sản phẩm	Model	Diễn giải/Đặc tính kỹ thuật	1/6/2026
BIẾN DÒNG ĐO LƯỜNG - MCT (optional Class 0,5 ; 0,2s)					Bảng giá/Chưa CK (chưa VAT 8 %)
		Biến dòng đo lường MCT, Cấp chính xác 1, Class 5VA & 15VA (Giá bán chưa bao gồm đế biến dòng)	Đế biến dòng (VAT 10%)	Phụ kiện kèm theo nếu dùng MCT có đế	33,000
			MCT-50/5A/1/5VA	MCT 50/5A, Class 1, 5VA	390,000
			MCT-60/5A/1/5VA	MCT 60/5A, Class 1, 5VA	390,000
			MCT-100/5A/1/5VA	MCT 100/5A, Class 1, 5VA	410,000
			MCT-150/5A/1/5VA	MCT 150/5A, Class 1, 5VA	410,000
			MCT-200/5A/1/5VA	MCT 200/5A, Class 1, 5VA	300,000
			MCT-250/5A/1/5VA	MCT 250/5A, Class 1, 5VA	300,000
			MCT-300/5A/1/5VA	MCT 300/5A, Class 1, 5VA	310,000
			MCT-400/5A/1/5VA	MCT 400/5A, Class 1, 5VA	340,000
			MCT-500/5A/1/5VA	MCT 500/5A, Class 1, 5VA	460,000
			MCT-600/5A/1/5VA	MCT 600/5A, Class 1, 5VA	490,000
			MCT-800/5A/1/5VA	MCT 800/5A, Class 1, 5VA	570,000
			MCT-1000/5A/1/15VA	MCT 1000/5A, Class 1, 15VA	710,000
			MCT-1200/5A/1/15VA	MCT 1200/5A, Class 1, 15VA	770,000
			MCT-1600/5A/1/15VA	MCT 1600/5A, Class 1, 15VA	900,000
			MCT-2000/5A/1/15VA	MCT 2000/5A, Class 1, 15VA	990,000
			MCT-2500/5A/1/15VA	MCT 2500/5A, Class 1, 15VA	1,100,000
			MCT-3000/5A/1/15VA	MCT 3000/5A, Class 1, 15VA	1,290,000
			MCT-3200/5A/1/15VA	MCT 3200/5A, Class 1, 15VA	1,360,000
			MCT-4000/5A/1/15VA	MCT 4000/5A, Class 1, 15VA	1,600,000
			MCT-5000/5A/1/15VA	MCT 5000/5A, Class 1, 15VA	1,920,000
			MCT-6000/5A/1/15VA	MCT 6000/5A, Class 1, 15VA	2,790,000
		Biến dòng đo lường MCT, Cấp chính xác 1, Class 15VA	MCT-400/5A/1/15VA	MCT 400/5A, Class 1, 15VA	630,000
			MCT-600/5A/1/15VA	MCT 600/5A, Class 1, 15VA	640,000
			MCT-800/5A/1/15VA	MCT 800/5A, Class 1, 15VA	730,000



Thương hiệu	Hình ảnh	Sản phẩm	Model	Diễn giải/Đặc tính kỹ thuật	1/6/2026
BIẾN DÒNG BẢO VỆ - PCT -(Optional 5P20, 20VA)					Bảng giá/Chưa CK (chưa VAT 8 %)
		Biến dòng bảo vệ PCT, Cấp chính xác 5P10, Class 15VA (Optional 5P20, 20VA)	Đế biến dòng (VAT 10%)	Phụ kiện kèm theo nếu dùng PCT có đế	32,000
			PCT-100/5A/5P10/15VA	PCT 100/5A, Class 5P10, 15VA	2,800,000
			PCT-150/5A/5P10/15VA	PCT 150/5A, Class 5P10, 15VA	2,800,000
			PCT-200/5A/5P10/15VA	PCT 200/5A, Class 5P10, 15VA	2,800,000
			PCT-250/5A/5P10/15VA	PCT 250/5A, Class 5P10, 15VA	2,800,000
			PCT-300/5A/5P10/15VA	PCT 300/5A, Class 5P10, 15VA	920,000
			PCT-400/5A/5P10/15VA	PCT 400/5A, Class 5P10, 15VA	920,000
			PCT-500/5A/5P10/15VA	PCT 500/5A, Class 5P10, 15VA	1,450,000
			PCT-600/5A/5P10/15VA	PCT 600/5A, Class 5P10, 15VA	1,450,000
			PCT-800/5A/5P10/15VA	PCT 800/5A, Class 5P10, 15VA	1,450,000
			PCT-1000/5A/5P10/15VA	PCT 1000/5A, Class 5P10, 15VA	1,550,000
			PCT-1200/5A/5P10/15VA	PCT 1200/5A, Class 5P10, 15VA	1,550,000
			PCT-1600/5A/5P10/15VA	PCT 1600/5A, Class 5P10, 15VA	1,690,000
			PCT-2000/5A/5P10/15VA	PCT 2000/5A, Class 5P10, 15VA	1,690,000
			PCT-2500/5A/5P10/15VA	PCT 2500/5A, Class 5P10, 15VA	1,890,000
			PCT-3000/5A/5P10/15VA	PCT 3000/5A, Class 5P10, 15VA	2,100,000
			PCT-3200/5A/5P10/15VA	PCT 3200/5A, Class 5P10, 15VA	2,100,000
			PCT-4000/5A/5P10/15VA	PCT 4000/5A, Class 5P10, 15VA	2,300,000
			PCT-5000/5A/5P10/15VA	PCT 5000/5A, Class 5P10, 15VA	2,500,000
			PCT-6000/5A/5P10/15VA	PCT 6000/5A, Class 5P10, 15VA	6,400,000



Thương hiệu	Hình ảnh	Sản phẩm	Model	Diễn giải/Đặc tính kỹ thuật	1/6/2026
CÔNG TẮC CHUYỂN MẠCH - SWITCH VÔN-AMPE					Bảng giá/Chưa CK (chưa VAT 8 %)
		Công tắc chuyển mạch vôn	CV34	Công tắc chuyển mạch vôn, 7 vị trí, (48*60mm)	280,000
		Công tắc chuyển mạch dòng	CA34	Công tắc chuyển mạch ampe, 4 vị trí, (48*60mm)	280,000
ĐỒNG HỒ ĐO LƯỜNG VÔN-AMPE (AC/DC)					Bảng giá/Chưa CK (chưa VAT 8 %)
	 	Đồng hồ đo vôn, size 72*72	CP72V	Đồng hồ đo điện áp 0~300V, 0~500V, 0~600V	310,000
		Đồng hồ đo vôn, size 96*96	CP96V	Đồng hồ đo điện áp 0~300V, 0~500V, 0~600V	310,000
		Đồng hồ đo ampe, size 72*72	CP72AC	Đồng hồ đo dòng điện.../5A (option .../1A)	290,000
		Đồng hồ đo ampe size 96*96	CP96AC	Đồng hồ đo dòng điện.../5A (option .../1A)	290,000
		Đồng hồ đo ampe trực tiếp	CP96AC 05/10	Đồng hồ đo dòng điện trực tiếp 5/10A	530,000
		Đồng hồ đo ampe trực tiếp	CP96AC 10/20	Đồng hồ đo dòng điện trực tiếp 10/20A	530,000
		Đồng hồ đo ampe trực tiếp	CP96AC 20/40	Đồng hồ đo dòng điện trực tiếp 20/40A	530,000
		Đồng hồ đo ampe trực tiếp	CP96AC 30/60	Đồng hồ đo dòng điện trực tiếp 30/60A	530,000
		Đồng hồ đo ampe trực tiếp	CP96AC 40/80	Đồng hồ đo dòng điện trực tiếp 40/80A	790,000
		Đồng hồ đo ampe trực tiếp	CP96AC 50/100	Đồng hồ đo dòng điện trực tiếp 50/100A	790,000
		Đồng hồ đo ampe trực tiếp	CP96AC 60/120	Đồng hồ đo dòng điện trực tiếp 60/120A	790,000
		Đồng hồ đo 2 kim, maximum demand	CP96- MD	Đồng hồ đo dòng điện, 2 kim	990,000
		Đồng hồ đo 3 kim, maximum demand	CP96- MD 2	Đồng hồ đo dòng điện, 3 kim	1,550,000